TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-12-2023
V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1986; Nơi cư trú: Khóm T1, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn M, sinh ngày 09 tháng 02 năm 1977; Nơi cư trú: Khóm T1, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 10 năm 2023, biên bản lấy lời khai đề ngày 10 tháng 11 năm 2023 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T1 trình bày: Vào năm 2004, nhờ người mai mối nên hai bên gia đình tổ chức lễ cưới cho chịvà anh Lê Văn M, sau khi cưới hai vợ chồng cùng nhau về sống chung nhà với gia đình của anh M. Hai vợ chồng chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu hai vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc, đến tháng 9 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm gia đình, bất đồng quan điểm, sống chung không hợp, chị dọn đồ ra ở riêng, cả hai không còn sống chung từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không hàn gắn tình cảm được nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn M. Về con chung: Chị đồng ý giao Lê Văn T2, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2009 cho anh Lê Văn M tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Còn đối với cháu Lê Văn N, sinh ngày 16 tháng 7 năm 2005 đã trưởng thành, tự lo cuộc sống bản thân được, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh chị tự nguyện thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Lê Văn M đã được Toà án triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T1 được ly hôn với anh Lê Văn M; về nuôi con chung: Giao cháu Lê Văn T2, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2009 cho anh Lê Văn M tiếp tục nuôi dưỡng, chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do anh M chưa có yêu cầu; về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T1 trình bày đã tự thỏa thuận xong, còn anh Lê Văn M không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết; về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T1 trình bày không có, còn anh Lê Văn M không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Văn M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T1 và anh Lê Văn M là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T1 đối với anh Lê Văn M, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị Nguyễn Thị T1 thì cuộc sống của chị và anh Lê Văn M không hạnh phúc từ tháng 9 năm 2022, nguyên nhân do mâu thuẫn về chuyện tình cảm gia đình, bất đồng quan điểm, sống chung không hợp, vợ chồng đã không còn sống chung đến tháng 9 năm 2023 cho đến nay. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị T1 với anh M hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T1 là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị T1 ly hôn với anh M.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T1 đồng ý giao Lê Văn T2, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2009 cho anh Lê Văn M tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị T1 và anh M không còn sống chung và hiện nay thì con chung do anh M chăm sóc, nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do anh M không có văn bản ghi ý kiến để Tòa án xem xét, nếu anh M có yêu cầu thì anh được quyền khởi kiện bằng một vụ án

dân sự khác và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Còn đối với cháu Lê Văn N, sinh ngày 16 tháng 7 năm 2005 đã trưởng thành, tự lo cuộc sống bản thân được, chị T1 không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T1 cho rằng chị và anh M đã tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu giải quyết, còn anh Lê Văn M không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T1 cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn anh Lê Văn M không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 229, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T1, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T1 và anh Lê Văn M.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Anh Lê Văn M được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Lê Văn T2, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2009.

2.2. Chị Nguyễn Thị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T1 chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006123 ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND TT.TTT, H.HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng